

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-PT

Ngày 12-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tân

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Cao Văn A và Võ Hoàng L do có kháng cáo của bị Cao Văn A và Võ Hoàng L, bị hại Huỳnh Anh B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Cao Văn A (tên gọi khác: Lâu), sinh năm 1984 tại huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long. Nơi ĐKKHKT: Số 14 đường 65, khu phố X4, phường Y4, quận Z4, thành phố Hồ Chí Minh; Hiện đang tạm trú: ấp X, xã Y1, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Cao Văn A1 và bà Bùi Thị A11; có vợ Đỗ Ngọc A111 và 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011).

Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 08/8/2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Z; thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 08/8/2019 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Võ Hoàng L (tên gọi khác: C), sinh 30/6/ 2000 tại Bệnh viện đa khoa Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp X, xã Y1, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Võ Hoàng L1 và bà Cao Thị Thúy L2.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Huỳnh Anh B, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, bị cáo Trần Quốc Đ, Lê Thành T, Trần Phú Q; người đại diện cho các bị cáo Trần Quốc Đ, Lê Thành T, Trần Phú Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Huỳnh Quốc N, Phan Kim V, Võ Hoàng T, Trần Văn H, Lê Văn Bé S, Đỗ Ngọc A111, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh To, không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Cao Văn A nghe gia đình nói chị ruột tên Cao Thị T1, sinh năm 1972 có mâu thuẫn với ông Huỳnh Anh B, sinh năm 1959 cùng ngụ ấp X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long nên Cao Văn A nảy sinh ý định đánh ông B để trả thù. Do chỉ có A và cháu ruột tên Võ Hoàng L (A là cậu ruột của L) nên A không dám đi đánh ông B. A kêu L đi rủ bạn của L để cùng đi đánh ông B. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 02/02/2019, L gặp và rủ Nguyễn Thanh To, sinh ngày 10/8/2003, nơi cư trú: ấp X, xã Y1, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long cùng A và L đi đánh ông B thì To đồng ý.

Vào khoảng 09 giờ ngày 03/02/2019 L gặp và rủ Lê Thành T, Trần Quốc Đ, Trần Phú Q cùng A, L, To đi đánh ông B thì tất cả đồng ý. L điều

khiển xe mô tô biển số 59C2 - 686.78 (do anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 77/12B, Khu X3, phường Y3, quận X3, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký, anh H đã bán xe 59C2- 686.78) chở Đ đi đến cửa hàng sắt Hồng Cúc tại khu 5, thị trấn Z1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh L mua 02 mét ống kim loại (tuýp sắt) cắt ra thành 04 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 50cm – 60cm. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 64F3 – 0719 (do anh Lê Văn Bé S, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp X4, xã Y1, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đứng tên) chở To đi đến cửa hàng sắt “Hồng Cúc” mua thêm 01 mét ống kim loại và cắt ra thành 02 đoạn mỗi đoạn dài khoảng 50cm. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày A điều khiển xe mô tô biển số 59Y1-945.90 (không thu giữ, do chị Đỗ Ngọc A111, sinh năm 1981, là vợ bị cáo A; nơi cư trú: Số 14 đường 65, khu phố X4, phường Y4, quận Z4, thành phố Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng) chở Đ ngồi sau ôm bao nilon màu trắng đựng 06 đoạn ống tuýp bằng kim loại mang theo để làm hung khí đánh ông B, L điều khiển xe mô tô biển số 59C2 - 686.78 chở Q, T điều khiển xe mô tô biển số 64F3 – 0719 chở To. Tất cả cùng đi đến và dừng trước nhà ông B. Lúc này khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, A kêu L đi vào nhà ông B xem có ông B ở nhà không. L đi vào rồi trở ra nói với A: *“Có ở nhà”*. A mở bao lấy một đoạn ống tuýp bằng kim loại có chiều dài khoảng 60 - 70cm, cân nặng khoảng 500 - 560 gam (không thu giữ được) cầm trên tay thì L, T, To, Đ và Q mỗi người tự lấy và cầm trên tay một đoạn ống tuýp bằng kim loại. A nói: *“Mấy thằng bây đi ra đằng sau chặn đường sau đánh ông B, còn tao vô đường trước đánh ông B”*. A cầm ống tuýp trên tay chạy đi vào trước thì Q cầm ống tuýp bằng kim loại chạy theo A. L, To, T mỗi người cầm một đoạn ống tuýp chạy đi ra phía sau nhà. Q và A chạy vào đến thềm nhà trên thấy ông B đang nằm trên nền gạch của phòng khách, A cầm đoạn ống tuýp trên tay chạy vào đánh liên tục nhiều cái từ trên xuống trúng vào người của ông B. Ông B bị đánh bất ngờ nên chỉ kịp đưa tay phải lên đỡ. Ông B đứng lên và chụp được một cái ghế bằng gỗ (loại ghế đôn) cầm trên tay trái đánh trả lại về phía A thì A liền dùng chân trái đạp mạnh vào ghế làm nứt gãy xương gót chân trái của A. Cùng lúc này, Q thấy ông B có một mình nên đứng bên ngoài không tham gia đánh cùng với A mà đứng bên ngoài để xem có ai đến xông vào đánh A thì Q sẽ cùng đánh giải vây cho A. Ông B la lên và chạy vào bên trong nhà nên A bỏ chạy ra xe mô tô biển số 59Y1- 945.90 nổ máy điều khiển chở Q bỏ chạy rời khỏi hiện trường. Cùng

thời gian này, L cùng với To, T và Đ trên tay cầm ống tuýp đi thẳng ra phía sau nhà thì gặp anh Huỳnh Quốc N, sinh năm 1985 (N là con ruột của ông B), đang ngồi tắm gà tại hông nhà, L cầm đoạn ống tuýp trên tay đánh liên tục từ trên xuống vào người của N. Do có người truy hô nên L cùng To, Đ, T bỏ chạy bộ tẩu thoát khỏi hiện trường và để lại hai xe mô tô biển số: 64F3-0719 và 59C2-686.78. N lấy đoạn ống tuýp do các bị cáo bỏ lại tại hiện trường đập liên tục nhiều cái vào hai xe mô tô trên làm hai xe bị hư hỏng. Ông B bị thương tích ở tay phải, ngực và bụng nên được gia đình đưa đến Bệnh viện Xuyên Á Vĩnh L điều trị đến ngày 08/02/2019 thì xuất viện.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 23/2019/TgT ngày 09/4/2019 của T tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long, kết luận tỷ lệ thương tích của ông Huỳnh Anh B như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương phần mềm má phải hồi phục.
- Chấn thương phần mềm ngực phải hồi phục.
- Vết thương 1/3 giữa cẳng tay phải kích thước 1 x 0,2 cm, gãy 1/3 giữa xương trụ phải, gãy mỏm trâm trụ được phẫu thuật điều trị không ảnh hưởng thẩm mỹ, không cố tật.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 15% (mười lăm phần trăm).

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3030/C09B ngày 26/6/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Qua khám A sàng và kết quả cận A sàng. Xác định tại thời điểm giám định (tháng 6 năm 2019) Trần Phú Q có độ tuổi từ: 16 năm 05 tháng đến 16 năm 11 tháng.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3031/C09B ngày 02/7/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Qua khám A sàng và kết quả cận A sàng. Xác định tại thời điểm giám định (tháng 6 năm 2019) Nguyễn Thanh To có độ tuổi từ: 15 năm 06 tháng đến 16 năm.

Như vậy, tại thời điểm ngày 03/02/2019:

- Trần Quốc Đ được 17 tuổi 06 tháng 10 ngày;
- Lê Thành T được 16 tuổi 03 tháng 02 ngày;
- Trần Phú Q tại thời điểm tháng 02/2019 được 16 tuổi 01 tháng;
- Nguyễn Thanh To tại thời điểm tháng 02/2019 được 15 tuổi 02 tháng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) nón bảo hiểm, loại nửa đầu màu trắng có ký hiệu X- Tem Helmet, có hoa văn hình gấu;

- 01 (một) đoạn kim loại tròn dài 67cm, có đường kính 3,2cm, cân nặng 560gam;

- 01 (một) đoạn kim loại tròn dài 56,5cm, có đường kính 3,2cm, cân nặng 480gam;

- 01 (một) đoạn kim loại tròn dài 51cm, có đường kính 2,5cm, cân nặng 440gam;

- 01 (một) xe mô tô biển số: 59C2- 686.78, màu xanh không nhãn hiệu, bị hư hỏng và đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô biển số: 64F3- 0719, bị hư hỏng và đã qua sử dụng.

Bị cáo Cao Văn A giao nộp số tiền: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Các bị cáo: Lê Thành T, Trần Quốc Đ, Trần Phú Q mỗi người giao nộp số tiền: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Bị cáo Võ Hoàng L giao nộp số tiền: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

** Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 64/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Z đã quyết định:*

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Cao Văn A, Võ Hoàng L, Trần Quốc Đ, Lê Thành T, Trần Phú Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn A 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt và được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 08/8/2019.

2.2 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Hoàng L 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2.3 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 65; Điều 91; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 26/11/2019.

2.4 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 65; Điều 91; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thành T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 26/11/2019.

2.5 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 65; Điều 91; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Phú Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 26/11/2019.

Giao người bị kết án Trần Quốc Đ cho Ủy ban nhân dân xã Y5, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Giao người bị kết án Lê Thành T và Trần Phú Quý cho Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án

có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 11 năm 2019 bị cáo Cao Văn A, Võ Hoàng L có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm mức hình phạt cho hưởng án treo; bị hại Huỳnh Anh B kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Cao Văn A, Võ Hoàng L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Cao Văn A trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo.

Bị cáo Võ Hoàng L trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo.

Bị hại Huỳnh Anh B trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Cao Văn A, Võ Hoàng L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Cao Văn A. Xử phạt bị cáo Cao Văn A 03 năm tù, về tội “ Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt và được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 08/8/2019.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Võ Hoàng L. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng L 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Sửa án sơ thẩm.

Bị cáo A phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo L không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị Cao Văn A, Võ Hoàng L xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Z, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A và bị cáo L không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do chị gái của của A là Cao Thị T1 có mâu thuẫn với bị hại Huỳnh Anh B nên vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 03/02/2019 các bị cáo A, L, Đ, T, Q và To cùng đi đến nhà của ông B thuộc ấp X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Vĩnh L đánh ông B. Bị cáo A đã có hành vi dùng tay cầm đoạn ống tuýp tròn, bằng kim loại, có chiều dài khoảng 60 - 70cm, cân nặng khoảng 500 - 560 gam (là hung khí nguy hiểm) đánh trúng vào người và tay phải ông B gây thương tích cho ông B là 15%.

Xét thấy án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Cao Văn A và Võ Hoàng L phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ; bị hại không có mâu thuẫn gì với các bị cáo, các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại cho thấy sự xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới đảm bảo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo A và bị cáo L là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét.

Xét kháng cáo của bị hại Huỳnh Anh B xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Cao Văn A và bị cáo Võ Hoàng L và bị hại Huỳnh Anh B. Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Cao Văn A và Võ Hoàng L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn A và bị cáo Võ Hoàng L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 64/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn A 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt và được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 08/8/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Hoàng L 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Văn A phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bị cáo Võ Hoàng L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND H.TB 02;
- VKSND + CQĐT H. TB: 02;
- CQTHADS H.TB: 01;
- CQTHAHS H.TB: 01;
- BC: 02;
- PHSCAVL: 01
- STP: 01;
- UBND, CA xã(phường): 04;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án: 06;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư

